

Bản án số: 13/2018/LĐ-PT

Ngày: 26 - 6 - 2018

V/v đơn phương chấm dứt hợp đồng
lao động



NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Minh Tấn

Ông Nguyễn Thành Lập

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2018/TLPT-LĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 về việc “Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 07/2018/LĐ-ST ngày 21/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐPT-LĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Nam Dân, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Số 1 Tập thể trung tâm thể dục thể thao, đường Đinh Tiên Hoàng, khóm 2, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Hoàng Phương là Luật sư – Cộng tác viên của Trung tâm Tư vấn pháp luật tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau.

Địa chỉ: Số 204, Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Hồ Tấn Luật, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Ngô Hoàng Vinh, sinh năm 1972 (có mặt); Địa chỉ: Số 45/5 B, Lâm Thành Mậu, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Giấy ủy quyền số 53/GUQ-CNCM ngày 07/6/2018

- *Người kháng cáo:* Anh Phạm Nam Dân - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, anh Phạm Nam Dân trình bày: Ngày 10/6/2004, anh Dân có ký hợp đồng lao động với Công ty cấp thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau, nay là Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau (gọi tắt là Công ty) với hợp đồng lao động có thời hạn là 01 năm. Đến hết thời hạn này, Công ty không ký lại hợp đồng lao động với anh mà vẫn tiếp tục sử dụng anh đến khi chấm dứt hợp đồng lao động. Anh làm nhân viên ghi thu của Công ty cho đến khi có quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với anh. Ngày 27/7/2016, Công ty ban hành Quyết định số: 144/QĐ-CN về việc chấm dứt hợp đồng lao động, anh đã được triển khai quyết định sau đó ít ngày nhưng anh không nhận quyết định vì anh còn đang chờ kết quả giải quyết khiếu nại của UBND tỉnh Cà Mau. Mức lương của anh được hưởng trên tháng trước khi chấm dứt hợp đồng lao động có hệ số 1.18 x 3.320.000 đồng bằng 3.917.000 đồng; tiền thưởng 391.760 đồng; tiền nghỉ phép 195.880 đồng, tiền ăn giữa ca 680.000 đồng. Khi nghỉ việc, Công ty trả lương của năm 2016 đến ngày 27/7/2016. Ngoài ra, anh không còn nhận được khoản tiền nào khác từ Công ty.

Việc Công ty cho anh nghỉ việc mà không có xây dựng phương án; không tổ chức họp Công đoàn cơ sở, tổ chức đại hội công nhân, viên chức và không thông báo cho anh biết trước việc nghỉ việc là không đúng với quy định của pháp luật, vi phạm Điều 38, 39, 42, 43, 44, khoản 2 Điều 47, Điều 208 của Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 43, 48, 49 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Điều 13 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ; Điều 9 Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010; Điều 7 Thông tư 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/8/2010 của Bộ lao động - thương binh và xã hội; khoản 2 Điều 428 Bộ luật dân sự. Từ nội dung trên, anh Dân yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số: 144/QĐ-CN ngày 27/7/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh Dân;

- Nhận anh Dân trở lại làm việc;

- Chi trả tiền lương trong thời gian không được làm việc tính từ ngày 27/7/2016 đến ngày 27/8/2017 là 50.928.800 đồng;

- Bồi thường 02 tháng tiền lương theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật lao động bằng 7.835.200 đồng;

- Tiền ăn giữa ca đến ngày 27/8/2017 là 10.200.000 đồng;

- Tiền thưởng lễ 30/4/2017 - 01/5/2017 và nghỉ Tết là 4.000.000 đồng;

- Tiền thưởng đến ngày 27/8/2017 là 5.092.880 đồng;

- Tiền lương 15 ngày nghỉ phép năm là 2.938.200 đồng;

- Tiền tổn thất tinh thần 33.200.000 đồng;

- Chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp 10.000.000 đồng;

- Chi phí khác 2.000.000 đồng;

Tổng cộng là 126.195.080 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng số tiền anh Dân yêu cầu Công ty phải trả là 161.120.600 đồng.

Ngoài ra, anh Dân còn yêu cầu Công ty còn phải tiếp tục trả lương và các chế độ khác kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến ngày nhận anh trở lại làm việc tại Công ty.

Bị đơn, Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau do ông Ngô Hoàng Vinh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ngày 10/6/2004, Công ty có tuyển dụng anh Dân làm nhân viên ghi thu của Công ty. Sau khi cổ phần hóa, Công ty sắp xếp lại cơ cấu bộ máy Công ty, bố trí lại lao động. Ngày 17/5/2016, Công ty có báo cáo gửi phương án cho Sở lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Cà Mau, từ đó Công ty cho người nghỉ việc đối với anh Dân. Trường hợp cho nghỉ việc của anh Dân thuộc trường hợp sắp xếp lao động nên ngày 17/5/2016 Công ty có thông báo cho anh Dân biết, anh Dân thuộc trường hợp mất việc. Đến ngày 27/7/2016 Công ty ban hành Quyết định số: 144/QĐ-CN về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh. Khi cho anh Dân nghỉ việc, Công ty đã trả đủ tiền lương cho anh Dân. Riêng đối với sổ bảo hiểm của anh Dân, Công ty đã chốt sổ bảo hiểm của anh Dân đến ngày 27/7/2016 và hiện Công ty đang giữ sổ bảo hiểm của anh Dân, khi nào anh Dân đến Công ty làm thủ tục nhận các chế độ thì Công ty trả lại sổ bảo hiểm cho anh Dân. Việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh Dân là đúng quy định pháp luật nên Công ty không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Dân.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 07/2018/LĐ-ST ngày 21/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Nam Dân đối với Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau về việc:

- Hủy Quyết định số: 144/QĐ-CN ngày 27/7/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh Phạm Nam Dân;

- Nhận anh Phạm Nam Dân trở lại làm việc;

- Chi trả tiền lương trong thời gian không được làm việc;

- Bồi thường 02 tháng tiền lương theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật lao động;

- Tiền ăn giữa ca;

- Tiền thưởng lễ 30/4/2017 - 01/5/2017 và nghỉ Tết;

- Tiền thưởng;

- Tiền lương 15 ngày nghỉ phép năm;

- Tiền tổn thất tinh thần;

- Chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;

- Chi phí khác;

Tổng cộng số tiền anh Dân yêu cầu Công ty phải trả không được chấp nhận là 161.120.600 đồng.

- Tiếp tục trả lương và các chế độ khác kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến ngày nhận anh Dân trở lại làm việc tại Công ty.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/4/2018 anh Phạm Nam Dân kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Dân xin rút một phần yêu cầu kháng cáo về tiền lương trong thời gian không nghỉ phép năm, tổn thất tinh thần, tiền chi phí luật sư và chi phí khác. Anh Dân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận mức lương của

anh Dân là lương khoán theo sản phẩm của trung bình 06 tháng liền kề để tính lương và các khoản tiền khác đến thời điểm xét xử phúc thẩm.

Nguyên đơn tranh luận: Công ty chấm dứt hợp đồng với anh Dân nhưng không trao đổi với Ban chấp hành công đoàn, không báo trước cho người lao động và không xin ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau là vi phạm các Điều 31, 38, 44, 46 Bộ luật lao động, Điều 13 Nghị định số 05 của Chính phủ và vi phạm Điều 43, 48 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Tranh chấp của anh Dân với Công ty là tranh chấp tập thể lao động nên Công ty đã vi phạm Điều 208 Bộ luật lao động.

Phía bị đơn tranh luận: Bị đơn xác định việc Công ty cho anh Dân thôi việc là căn cứ vào phương án cổ phần hóa, trong phương án này, các trình tự này đã thực hiện đúng theo tinh thần chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và đã được thông qua đại hội đồng cổ đông của Công ty. Do đó, Công ty không vi phạm Điều 48 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và không vi phạm luật doanh nghiệp, Công ty chấm dứt hợp đồng với anh Dân thuộc trường hợp thay đổi cơ cấu tổ chức và sắp xếp lại lao động.

Công ty không vi phạm khoản 2 Điều 31, khoản 3 Điều 44 của Bộ luật lao động vì khi thực hiện phương án tái cơ cấu, xây dựng phương án sử dụng lao động đều có Ban chấp hành Công đoàn tham gia và ký tên, đóng dấu của tổ chức Công đoàn và đã báo cáo với cơ quan quản lý Nhà nước về lao động cấp tỉnh đến 70 ngày. Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với anh Dân không thuộc trường hợp chuyển người lao động làm công việc khác nên không cần phải báo trước nên không vi phạm khoản 2 Điều 31 của Bộ luật lao động. Tranh chấp giữa anh Dân với Công ty là tranh chấp lao động cá nhân chứ không phải tranh chấp lao động tập thể nên không vi phạm Điều 208 của Bộ luật lao động. Ngoài ra theo Công văn số 175/BC-LĐTĐ ngày 26/6/2017 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Cà Mau đã xác định Công ty thực hiện quy trình thực hiện phương án đúng quy định tại khoản 3 Điều 44 Bộ luật lao động. Do đó, Công ty không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Dân. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh Vinh cho rằng nếu Tòa án hủy quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với anh Dân thì Công ty sẽ trả lương cho anh Dân theo hệ số lương tại thời điểm anh Dân bị nghỉ việc là 1,18 và tính theo mức lương vùng có thay đổi theo từng năm, không đồng ý trả lương cho anh Dân theo mức lương khoán vì công việc của anh Dân là lao động trực tiếp hưởng lương khoán sản phẩm đội ghi thu, khoán trên đơn giá ghi đồng hồ nước và thu hóa đơn tiền nước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau với nội dung chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Dân, hủy quyết định số 144/QĐ-CTN ngày 27/7/2016 của Công ty, buộc Công ty nhận anh Dân trở

lại làm việc, buộc Công ty phải thanh toán chế độ tiền lương, bồi thường cho anh Dân hai tháng tiền lương và đóng các khoản bảo hiểm theo quy định. Không chấp nhận các yêu cầu về tiền ăn giữa ca, tiền thưởng Lễ - Tết. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo của anh Dân về khoản tiền nghỉ phép năm tiền tồn thất tinh thần, chi phí nhờ Luật sư tư vấn và chi phí khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần ngày 17/02/2016, được cổ phần hóa từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau. (gọi tắt là Công ty).

Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với anh Hải theo hình thức là “Thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động” theo quy định tại khoản 10 Điều 36 Bộ luật lao động. Để chấm dứt hợp đồng lao động với anh Hải, Công ty phải thực hiện các trình tự theo quy định tại Điều 44 và Điều 46 Bộ luật lao động và Công ty phải chứng minh được việc thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động.

[2] Vấn đề thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động Công ty: Tài liệu hồ sơ thể hiện Công ty có tổ chức lại lao động vì trước khi tái cơ cấu tổ chức lại lao động thì Công ty có tổng số lao động là 267 người, sau khi tổ chức lại lao động thì Công ty hoạt động có hiệu quả và chỉ sử dụng số lao động là 240 người, không phát sinh thêm bất cứ bộ phận mới hay người lao động mới nào, chỉ thay đổi tên của các phòng ban và bố trí lại lao động cho phù hợp với điều kiện hoạt động của Công ty. Điều này chứng minh được Công ty có thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động.

[3] Về việc tuân thủ theo quy định tại Điều 44 và 46 Bộ luật lao động thấy rằng: Ngày 09/5/2016 Công ty đã phối hợp với Ban chấp hành công đoàn đề trao đổi phương án tái cơ cấu tổ chức bộ máy và bố trí lại lao động, cùng ngày Giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị (HĐQT) thông qua phương án tái cơ cấu tổ chức bộ máy và bố trí lại lao động. Ngày 12/5/2016, HĐQT ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT thông qua phương án. Trong phương án được HĐQT thông qua theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT. Tại trang 17 có nội dung: “*Bước 2: Xây dựng phương án sử dụng lao động. Khi xây dựng phương án sử dụng lao động phải có sự tham gia của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty*”.

[4] Theo khoản 3 Điều 44 Bộ luật lao động quy định “*Việc cho thôi việc đối với nhiều người lao động theo quy định tại Điều này chỉ được tiến hành sau khi đã trao đổi với tổ chức đại diện tập thể lao động...*”, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật lao động quy định “*Khi xây dựng phương án sử dụng lao động phải có sự tham gia của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở*”.

Xét thời điểm xây dựng phương án tái cơ cấu tổ chức vào ngày 09/5/2016 thì chưa có danh sách của những người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên ngày 16/5/2016 Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Trưởng phòng tổ chức làm việc với Trưởng bộ phận, đơn vị trực thuộc chốt lại danh sách người lao động tiếp tục sử dụng sau khi tái cơ cấu không có sự tham gia của tổ chức đại diện

tập thể lao động. Như vậy khi xây dựng phương án tái cơ cấu tổ chức bộ máy thì Công ty thực hiện trình tự là có họp Ban chấp hành Công đoàn vào ngày 09/5/2016 để thông qua phương án. Tuy nhiên đến bước quan trọng là xây dựng phương án sử dụng lao động thì không có tài liệu nào thể hiện là Công ty trao đổi với tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở. Thực tế khi kết thúc cuộc họp vào lúc 16 giờ ngày 16/5/2016 thì ngày 17/5/2016 Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT. Trong thời gian này không có tài liệu thể hiện việc Công ty có trao đổi với Ban chấp hành Công đoàn là không đúng với quy định tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT của Công ty và không tuân thủ theo khoản 3 Điều 44, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật lao động.

[5] Mặc dù trong phương án và các danh sách chấm dứt hợp đồng lao động có chữ ký của bà Thẩm và đóng dấu của Ban chấp hành Công đoàn nhưng không có bất cứ biên bản nào thể hiện khi xây dựng phương án sử dụng lao động có sự tham gia của Ban chấp hành công đoàn. Tại biên bản làm việc ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã làm việc đối với Ban chấp hành công đoàn của Công ty thì những thành viên của Ban chấp hành Công đoàn đều cho rằng khi Công ty xây dựng phương án tái cơ cấu tổ chức vào ngày 09/5/2016 thì Công ty có mời Ban chấp hành công đoàn tham gia trao đổi thống nhất số người được tiếp tục làm việc và số người phải nghỉ việc nhưng khi Công ty xây dựng phương án sử dụng lao động, Công ty không mời Ban chấp hành tham gia nên Ban Chấp hành công đoàn không biết được những người lao động nào bị Công ty cho nghỉ việc.

Tại phiên tòa phía Công ty cho rằng khi họp lãnh đạo và các trưởng bộ phận phòng ban xong vào ngày 16/5/2016 thì Công ty có đưa danh sách cho bà Thẩm ký tên, việc bà Thẩm ký danh sách chấm dứt hợp đồng lao động là đã thể hiện Công ty có trao đổi với Ban chấp hành Công ty. Như vậy điều này thể hiện là mọi việc do Ban lãnh đạo của Công ty quyết định, việc bà Thẩm ký tên chỉ là hình thức, không thể hiện được ý kiến của Ban chấp hành Công đoàn bảo vệ quyền lợi cho người lao động. Tại hồ sơ và tại phiên tòa, Công ty cũng thừa nhận ngoài danh sách những người lao động được tiếp tục làm việc do bà Thẩm ký tên thì Công ty không có tài liệu nào để chứng minh việc Công ty có trao đổi với Ban chấp hành công đoàn cơ sở khi xây dựng phương án sử dụng lao động của Công ty vào ngày 16/5/2016 theo bước hai được quy định tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT của Công ty. Đây là trách nhiệm của Công ty trong việc phối hợp với Ban chấp hành công đoàn nhưng Công ty không thực hiện là vi phạm khoản 5 Điều 192 Bộ luật lao động.

[6] Tại biên bản làm việc ngày 23/5/2018 của TAND tỉnh Cà Mau làm việc với lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Cà Mau đã xác định Công ty đã gửi thông báo cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Cà Mau vào ngày 19/5/2016. Ngoài ra, khi xây dựng phương án tái cơ cấu, nhưng Công ty không xin ý kiến của UBND tỉnh Cà Mau là vi phạm Điều 43 và Điều 48 Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại Doanh nghiệp. Do Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ban hành không đúng quy định nên Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT cũng ban hành không đúng, do đó Công ty căn cứ vào hai Nghị quyết trên để cho người lao động nghỉ việc là trái pháp luật. Đồng thời, Công ty

cũng không trao đổi với Ban chấp hành công đoàn khi xây dựng phương án sử dụng lao động. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Cà Mau xác định Công văn số 195/ BC-LĐTBOXH ngày 16/9/2016 để báo cáo kết quả xác minh và kiến nghị của người lao động là đúng.

Do đó, Công ty cho rằng căn cứ theo Công văn số 175/BC- LĐTBOXH ngày 26/6/2017 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Cà Mau để xác định Công ty đã thực hiện đúng theo khoản 3 Điều 44 Bộ luật lao động là không có cơ sở.

Vì vậy, Công ty chưa thể cho thôi việc đối với nhiều người mà chưa trao đổi với tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở.

[7] Do Công ty ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với anh Dân không đúng trình tự thủ tục như nhận định nêu trên nên cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Dân về việc hủy Quyết định số 144/QĐ-CTN ngày 27/7/2016 và buộc Công ty phải nhận anh Dân trở lại làm việc.

Do chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 144/QĐ- CTN ngày 27/7/2016 nên Công ty phải có trách nhiệm vật chất đối với anh Dân theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động, cụ thể Công ty phải trả cho anh Dân các khoản sau:

- Chi trả tiền lương trong thời gian không được làm việc:

Anh Dân yêu cầu được tính tiền lương từ ngày 28/7/2016 đến ngày xét xử phúc thẩm, mức lương anh Dân yêu cầu là lương khoán của trung bình 06 tháng liền kề vì anh Dân cho rằng anh Dân hưởng lương theo sản phẩm nhưng do Công ty không cho anh Dân làm việc, nên phải trả lương theo sản phẩm cho anh Dân, mức lương khoán trên không bao gồm số tiền bảo hiểm của người lao động phải nộp. Anh Dân thừa nhận hệ số lương của anh Dân tại thời điểm nghỉ việc là 1,18.

Công ty yêu cầu nếu Hội đồng xét xử hủy Quyết định số 144/QĐ-CTN ngày 27/7/2016 và buộc Công ty phải nhận anh Dân trở lại làm việc thì Công ty chấp nhận trả lương cho anh Dân theo hệ số lương hợp đồng tại thời điểm nghỉ việc có hệ số là 1,18 nhân với mức lương tối thiểu vùng từng thời điểm do Nghị định của Chính phủ ban hành và tính lương từ ngày 28/7/2016 đến ngày Công ty nhận anh Dân trở lại làm việc. Mức lương theo hệ số 1,18, anh Dân phải có nghĩa vụ cùng với Công ty đóng các khoản tiền bảo hiểm của người lao động theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh Dân và Công ty đều thừa nhận tại thời điểm Công ty cho anh Dân nghỉ việc thì hệ số lương của anh Dân là 1,18. Hệ số lương này cũng là cơ sở để Công ty nộp các khoản bảo hiểm cho anh Dân theo quy định của pháp luật. Anh Dân và Công ty cũng thừa nhận công việc mà Công ty hợp đồng với anh Dân là lao động trực tiếp hưởng lương khoán sản phẩm đội ghi thu (khoán trên đơn giá ghi đồng hồ nước và thu hóa đơn tiền nước, chia lương theo hệ số bình. Chi phí đi lại để ghi, thu anh Dân tự chi. Do đó, trong thời gian anh Dân không được làm việc thì không có sản phẩm, không có chi phí đi lại, nên không có cơ sở để tính lương cho anh Dân theo mức lương khoán. Buộc Công ty phải chi trả cho anh Dân số tiền lương trong thời gian không được làm việc từ ngày 28/7/2016 đến ngày xét xử phúc thẩm là 26/6/2018 là 22 tháng 29 ngày, với hệ số lương là 1,18, cụ thể:

- Từ ngày 28/7/2016 đến 30/12/2016 là 05 tháng 03 ngày x 1,18 x 3.100.000 = 18.656.000 đồng;

- Từ ngày 01/01/2017 đến 30/12/2017 là 12 tháng x 1,18 x 3.320.000 = 47.011.000 đồng;

- Từ ngày 01/01/2018 đến 26/6/2018 là 05 tháng 26 ngày x 1,18 x 3.530.000 = 24.437.000 đồng;

Tổng cộng tiền lương trong thời gian anh Dân không được làm việc là 90.104.000 đồng.

- Buộc Công ty bồi thường cho anh Dân bằng 02 tháng tiền lương (Tại thời điểm xét xử phúc thẩm theo mức lương cơ bản nhân với mức lương tối thiểu vùng) là 3.530.000 đồng/tháng x 1,18 x 02 tháng = 8.330.000 đồng.

- Công ty phải có nghĩa vụ đóng các khoản bảo hiểm cho anh Dân từ ngày 28/7/2016 đến ngày xét xử phúc thẩm. Anh Dân có nghĩa vụ phối hợp với Công ty để đóng các khoản bảo hiểm của người lao động theo quy định của pháp luật.

Đối với tiền ăn giữa ca anh Dân yêu cầu là 680.000đ /tháng x 22 tháng = 12.920.000 đồng; Tiền thưởng năm là 7.443.440 đồng; Tiền thưởng Lễ 30/4- 01/5 và nghỉ Tết là 4.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/01/2015 có quy định không tính tiền lương là tiền ăn giữa ca, tiền thưởng năm, tiền thưởng lễ tết nên không chấp nhận yêu cầu này của anh Dân.

Đối với yêu cầu của anh Dân về tiền lương 15 ngày nghỉ phép năm anh Dân yêu cầu Công ty phải chi trả tiền do anh Dân do chưa được nghỉ phép, tiền tổn thất tinh thần, tiền chi phí nhờ luật sư tư vấn, chi phí khác là chi phí in ấn tài liệu và phí công chứng các giấy tờ đi khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Dân rút các yêu cầu kháng cáo này nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo của anh Dân.

Tổng cộng các khoản anh Dân yêu cầu được chấp nhận là 98.434.000đồng.

Đối với số tiền trợ cấp thôi việc hiện anh Dân chưa nhận nên không xem xét đối trừ. Công ty tự thực hiện thủ tục để nhận lại số tiền này.

[8] Án phí lao động sơ thẩm, phúc thẩm anh Dân không phải nộp. Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau phải chịu án phí sơ thẩm.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 289; khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Nam Dân.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 07/2018/LĐ-ST ngày 21/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào các điều 22, 31, 36, 42, 44, 46 Bộ luật Lao động; Điều 147, Điều 151 đến Điều 169; khoản 2, 3 Điều 168 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Nam Dân đối với Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau.

- Hủy Quyết định số 144/QĐ- CTN ngày 27/7/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh Phạm Nam Dân. Buộc Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau nhận anh Phạm Nam Dân trở lại làm việc.

- Buộc Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau thanh toán cho anh Phạm Nam Dân số tiền là 98.434.000 đồng (Chín mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 28 tháng 7 năm 2016 đến ngày xét xử phúc thẩm. Anh Dân có nghĩa vụ phối hợp với Công ty để đóng các khoản bảo hiểm của người lao động theo quy định của pháp luật.

Công ty có nghĩa vụ thanh toán tiền lương và các chế độ bảo hiểm cho anh Phạm Nam Dân từ ngày xét xử phúc thẩm đến khi nhận anh Dân trở lại làm việc.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Nam Dân đối với các khoản tiền ăn giữa ca, tiền thưởng năm, tiền thưởng Lễ 30/4- 01/5 và nghỉ Tết.

3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án đối với yêu cầu của anh Phạm Nam Dân về khoản tiền nghỉ phép năm, tiền tổn thất tinh thần, tiền chi phí nhờ Luật sư tư vấn và chi phí khác.

4. Án phí lao động sơ thẩm, phúc thẩm anh Phạm Nam Dân không phải nộp. Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau phải chịu án phí sơ thẩm là 2.953.000 đồng.

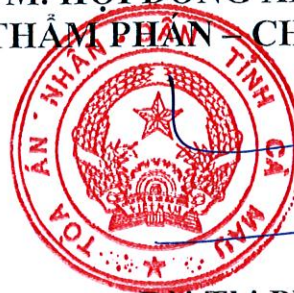
Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Bùi Thị Phương Loan